

2023-2024 USA Fencing Rolling Point Standings
V50ME

RANK	CURRENT AS OF		10/24/2023 DIVISION	ROLLING TOTAL	V50 - JAN		V50 - MAR		V50 - NTLS		V50 - WORLDS	
	NAME	YOB			PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS
1	Normile, Jon M	1967	Metro NYC	1680	5	280	1	400	np	0	1	1000
2	Gaines, Aaron	1972	San Diego	740	1	400	7	276	3	340	25	0
3	Lichten, Keith H	1973	Northern CA	708	3	340	2	368	np	0	np	0
4	Tepedelenioglu, Mehmet	1970	Northern CA	680	np	0	3	340	3	340	36	0
5	Deucher, Joseph H	1969	Nevada	620	3	340	5	280	5	280	17	0
6	Lee, Tobias T	1972	Western WA	614	14	204	3	340	8	274	np	0
7	Snider, Jeffrey H	1971	Virginia	582	2	368	31	112	9	214	np	0
8	Gates, Darcy C	1971	CAN	554	7	276	6	278	np	0	31	0
9	Springer, Michael	1974	New England	546	np	0	np	0	np	0	np	0
10	Teitenberg, John	1972	Tennessee	492	6	278	9	214	np	0	np	0
11	Cranor, Erich L	1971	Oregon	486	8	274	10	212	25	124	np	0
12	Mehall, Michael	1969	Utah-S.Idaho	418	10	212	13	206	np	0	np	0
13	Hitchcock, David	1966	Virginia	412	np	0	20	134	6	278	np	0
14	Barreiro, Darren	1971	New Jersey	406	25	124	8	274	21	132	np	0
15	Gauvey, Ken C	1973	Maryland	402	37	66	24	126	7	276	np	0
16	O'Loughlin, Chris S	1967	Metro NYC	400	np	0	np	0	1	400	np	0
17	Suponya, Sergey	1966	New Jersey	368	np	0	np	0	2	368	np	0
18	Exum, Travis H	1970	Western WA	350	9	214	np	0	19	136	np	0
19	Wheeler, Daniel	1972	Capitol	348	11	210	18	138	np	0	np	0
20	Clinefelter, Dennis S	1965	Oregon	344	18	138	np	0	13	206	np	0
21	Yao, Shun	1973	Mountain Valley	340	21	132	30	114	12	208	np	0
22	Pengelly, Neil	1974	CAN	332	np	0	np	0	np	0	np	0
23	Korschun, Daniel	1968	Philadelphia	320	15	202	28	118	np	0	np	0
24	Bolduc, Patrice	1966	CAN	316	31	112	14	204	np	0	np	0
25	Stewart, Robert	1968	Oregon	278	38	65	17	140	18	138	np	0
26	Bailey, Creston P	1971	National	272	35	68	np	0	14	204	np	0
27	Kuritz, Marc M	1970	San Diego	263	np	0	42	61	15	202	np	0
28	Gersen, Jacob	1973	New England	250	np	0	26	122	23	128	np	0
29	Geraci, Paul A	1973	Indiana	246	22	130	29	116	np	0	np	0
30	Maychrowitz, Matt	1970	Northern CA	242	24	126	43	60	29	116	np	0
31	Mar, Kevin	1969	Western Washington	230	32	110	27	120	np	0	np	0
32T	Prihodko, Andrew	1973	New England	210	np	0	np	0	11	210	np	0
32T	Choi, Paul S	1974	Metro NYC	210	np	0	np	0	np	0	np	0
34	Kalapasev, Nenad (Ned) S	1972	Kentucky	208	12	208	np	0	np	0	np	0
35	Sanchez, Leon D	1971	New England	206	33	70	19	136	np	0	np	0
36	Jelev, Mario I	1968	Gold Coast	202	np	0	15	202	np	0	51	0
37T	Speicher, Eric	1965	Southern CA	200	np	0	np	0	16	200	np	0
37T	Lee, Ambrose W	1970	CAN	200	np	0	16	200	np	0	np	0
37T	Popokh, Leo	1972	North TX	200	16	200	np	0	np	0	np	0
40	Davis, Andrew	1968	Northern CA	190	43	60	44	59	22	130	np	0
41	Campbell, Alex	1971	CAN	188	26	122	37	66	np	0	58	0
42	Kent, Dwain	1971	Kentucky	181	30	114	36	67	np	0	np	0
43	Thomas Jr., Robert D	1970	N. Carolina	180	29	116	np	0	39	64	np	0
44	Kryltsov, Greg	1972	Western WA	168	47	56	48	55	31	112	np	0
45	Buckley, Michael	1971	CAN	140	17	140	np	0	np	0	10.5	0
46	Edwards, Tim	1965	Kentucky	136	19	136	np	0	np	0	np	0
47	Helge, James	1969	Mt. Valley	134	np	0	np	0	20	134	np	0
48	Brus, Brian V	1966	Oklahoma	133	34	69	39	64	np	0	np	0
49	Greenbaum, Isaac	1968	New Jersey	132	np	0	21	132	np	0	np	0
50	cafasso, martin	1966	New England	131	np	0	35	68	40	63	np	0
51	Lang, Markus	1965	N. Carolina	130	np	0	22	130	np	0	np	0
52	Elterman, Lev	1969	Illinois	128	np	0	40	63	38	65	np	0
53	Jeffcoat, Timothy	1966	Utah-S.Idaho	127	np	0	38	65	41	62	np	0
54	Chen, Steve	1968	Northern CA	126	np	0	np	0	24	126	np	0
55	Hillstrom, Nathan	1974	San Diego	125	np	0	np	0	np	0	np	0
56	Marini, Davide	1968	New England	124	np	0	25	124	np	0	np	0
57	Ajayi, Phil	1970	Arizona	122	np	0	np	0	26	122	np	0
58T	O'Connor, Ryan	1969	Louisiana	120	np	0	np	0	27	120	np	0
58T	Kline, R. Jay	1970	Northern Ohio	120	27	120	np	0	np	0	np	0
60	Sims, Martin	1965	Virginia	119	44	59	np	0	43	60	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2023-2024 USA Fencing Rolling Point Standings
V50ME

CURRENT AS OF			10/24/2023	ROLLING	V50 - JAN	2023	V50 - MAR	2023	V50 - NTLS	2023	V50 - WORLDS	2023
RANK	NAME	YOB	DIVISION	TOTAL	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS
61T	Foley, Kevin	1971	New England	118	28	118	np	0	np	0	np	0
61T	Kuo, Michael	1973	Northern CA	118	np	0	np	0	28	118	np	0
63T	Kertesz, Stefan	1966	Alabama	110	np	0	32	110	np	0	np	0
63T	Gao, "George" Xiaojiang	1970	New Jersey	110	np	0	np	0	32	110	np	0
65	Rifkind, Neil	1966	Metropolitan NYC	108	48	55	50	53	np	0	np	0
66	Rogers, John D	1968	Northern CA	107	np	0	51	52	48	55	np	0
67T	Coetzee, Frans	1967	New Jersey	70	np	0	np	0	33	70	np	0
67T	Le Devehat, Yannick	1969	CAN	70	np	0	33	70	np	0	np	0
69T	Parks, Robert	1967	Alabama	69	np	0	34	69	np	0	np	0
69T	Hargrove, Charles	1969	Northern CA	69	np	0	np	0	34	69	np	0
71	Ferriere, Thomas	1973	Southern CA	68	np	0	np	0	35	68	np	0
72	Gumagay, Paul	1968	Virginia	67	36	67	np	0	np	0	np	0
73T	Sypes, Michael	1966	Arizona	66.5	np	0	np	0	36.5	66.5	np	0
73T	Yakimenko, Andrei	1967	Philadelphia	66.5	np	0	np	0	36.5	66.5	np	0
75	Hueske, David	1967	S. Carolina	64	39	64	np	0	np	0	np	0
76	Rood, Alex	1965	Northern CA	63	40	63	np	0	np	0	np	0
77	Bernstein, Stuart	1966	Tennessee	62	np	0	41	62	np	0	np	0
78T	Logue, Paul	1968	Northern CA	61	np	0	np	0	42	61	np	0
78T	Krogh, Daniel	1969	Oregon	61	42	61	np	0	np	0	np	0
80T	Craft, David	1967	Indiana	58	45	58	np	0	np	0	np	0
80T	Kelbley, Jay	1967	Michigan	58	np	0	np	0	45	58	np	0
80T	Bedair, Brandon	1970	National	58	np	0	45	58	np	0	np	0
83T	Cisneros, Robert	1965	Harrisburg	57	46	57	np	0	np	0	np	0
83T	Emden, Brian	1967	Gold Coast	57	np	0	46	57	np	0	np	0
83T	Hau, Peter	1971	Central CA	57	np	0	np	0	46	57	np	0
86	Chao, Warren	1968	Orange Coast	56	np	0	47	56	np	0	np	0
87T	Williams, Richard	1965	Columbus	54	np	0	49	54	np	0	np	0
87T	Papp, Mike	1970	Illinois	54	np	0	np	0	49	54	np	0
89T	Reid, Michael	1969	New Jersey	52.5	np	0	np	0	50.5	52.5	np	0
89T	Duong, John	1971	Northern CA	52.5	np	0	np	0	50.5	52.5	np	0

CURRENT AS OF 10/24/2023	V40 - JAN PLACE	2023 POINTS	V40 - MAR PLACE	2023 POINTS	V40 - NTLS PLACE	2023 POINTS
Normile, Jon M	np	0	np	0	np	0
Gaines, Aaron	np	0	np	0	np	0
Lichten, Keith H	np	0	np	0	np	0
Tepedelenioglu, Mehmet	np	0	np	0	np	0
Deucher, Joseph H	np	0	np	0	np	0
Lee, Tobias T	np	0	np	0	np	0
Snider, Jeffrey H	np	0	np	0	np	0
<i>Gates, Darcy C</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Springer, Michael	19	136	13	206	3	340
Teitenberg, John	np	0	np	0	np	0
Cranor, Erich L	np	0	np	0	np	0
Mehall, Michael	np	0	np	0	np	0
Hitchcock, David	np	0	np	0	np	0
Barreiro, Darren	np	0	np	0	np	0
Gauvey, Ken C	np	0	np	0	np	0
O'Loughlin, Chris S	np	0	np	0	np	0
Suponya, Sergey	np	0	np	0	np	0
Exum, Travis H	np	0	np	0	np	0
Wheeler, Daniel	np	0	np	0	np	0
Clinefelter, Dennis S	np	0	np	0	np	0
Yao, Shun	np	0	np	0	np	0
Pengelly, Neil	25	124	12	208	np	0
Korschun, Daniel	np	0	np	0	np	0
<i>Bolduc, Patrice</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Stewart, Robert	np	0	np	0	np	0
Bailey, Creston P	np	0	np	0	np	0
Kuritz, Marc M	np	0	np	0	np	0
Gersen, Jacob	np	0	np	0	np	0
Geraci, Paul A	np	0	np	0	np	0
Maychrowitz, Matt	np	0	np	0	np	0
Mar, Kevin	np	0	np	0	np	0
Prihodko, Andrew	np	0	np	0	np	0
Choi, Paul S	11	210	np	0	np	0
Kalapasev, Nenad (Ned) S	np	0	np	0	np	0
Sanchez, Leon D	np	0	np	0	np	0
Jelev, Mario I	np	0	np	0	np	0
Speicher, Eric	np	0	np	0	np	0
<i>Lee, Ambrose W</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Popokh, Leo	np	0	np	0	np	0
Davis, Andrew	np	0	np	0	np	0
<i>Campbell, Alex</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Kent, Dwain	np	0	np	0	np	0
Thomas Jr., Robert D	np	0	np	0	np	0
Kryltsov, Greg	np	0	np	0	np	0
<i>Buckley, Michael</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Edwards, Tim	np	0	np	0	np	0
Helge, James	np	0	np	0	np	0
Brus, Brian V	np	0	np	0	np	0
Greenbaum, Isaac	np	0	np	0	np	0
cafasso, martin	np	0	np	0	np	0
Lang, Markus	np	0	np	0	np	0
Elterman, Lev	np	0	np	0	np	0
Jeffcoat, Timothy	np	0	np	0	np	0
Chen, Steve	np	0	np	0	np	0
Hillstrom, Nathan	np	0	np	0	25	125
Marini, Davide	np	0	np	0	np	0
Ajayi, Phil	np	0	np	0	np	0
O'Connor, Ryan	np	0	np	0	np	0
Kline, R. Jay	np	0	np	0	np	0
Sims, Martin	np	0	np	0	np	0

CURRENT AS OF 10/24/2023	V40 - JAN PLACE	2023 POINTS	V40 - MAR PLACE	2023 POINTS	V40 - NTLS PLACE	2023 POINTS
Foley, Kevin	np	0	np	0	np	0
Kuo, Michael	np	0	np	0	np	0
Kertesz, Stefan	np	0	np	0	np	0
Gao, "George" Xiaojiang	np	0	np	0	np	0
Rifkind, Neil	np	0	np	0	np	0
Rogers, John D	np	0	np	0	np	0
Coetzee, Frans	np	0	np	0	np	0
<i>Le Devehat, Yannick</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Parks, Robert	np	0	np	0	np	0
Hargrove, Charles	np	0	np	0	np	0
Ferriere, Thomas	np	0	np	0	np	0
Gumagay, Paul	np	0	np	0	np	0
Sypes, Michael	np	0	np	0	np	0
Yakimenko, Andrei	np	0	np	0	np	0
Hueske, David	np	0	np	0	np	0
Rood, Alex	np	0	np	0	np	0
Bernstein, Stuart	np	0	np	0	np	0
Logue, Paul	np	0	np	0	np	0
Krogh, Daniel	np	0	np	0	np	0
Craft, David	np	0	np	0	np	0
Kelbley, Jay	np	0	np	0	np	0
Bedair, Brandon	np	0	np	0	np	0
Cisneros, Robert	np	0	np	0	np	0
Emden, Brian	np	0	np	0	np	0
Hau, Peter	np	0	np	0	np	0
Chao, Warren	np	0	np	0	np	0
Williams, Richard	np	0	np	0	np	0
Papp, Mike	np	0	np	0	np	0
Reid, Michael	np	0	np	0	np	0
Duong, John	np	0	np	0	np	0